TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/HNGĐ – ST
Ngày: 24/9/2019
Về việc "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Phong
2. Ông Lê Hoàn Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: ông Trần Văn Minh tham dự phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 143/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2019/QĐST – HNST ngày 6/9/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Tiến Đ, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

ĐKHKTT: Khu phố 4, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Đỗ Văn Tiến Đ, anh Lê Phan Hoàn Duy – là luật sư của Công ty luật TNHH MTV Cửu Long, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

* Bị đơn: Chị Lại Thị Ngọc Q, sinh năm 1994 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Ấp MT, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 17/6/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Đỗ Văn Tiến Đ trình bày:

Vào năm 2016, tôi và chị Lại Thị Ngọc Q cưới nhau, hôn nhân do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Nữ trang ngày cưới gồm: 01 sợi dây chuyền, 01 lắc, 1nhẫn, tổng cộng 5 chỉ vàng 24k, số số nữ trang này chị Quy đang giữ. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PT, thành phố PT, tỉnh BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2015.

Sau khi cưới chúng tôi cùng nhau sang NB làm việc được một khoảng thời gian thì quay trở lại Việt Nam sinh sống tại khu phố 4, phường PT, thành phố PT, tỉnh BT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng.

Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016, hiện cháu M đang ở với mẹ.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, từ đó đời sống vợ chồng sống không có hạnh phúc. Tôi đã cố gắn khuyên can vợ thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng điều không thành. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay. Chị Q đã về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp MT, xã MT, huyện BT, tỉnh VL. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, nên tôi quyết định xin ly hôn.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn chị Lại Thị Ngọc Q.

Về con chung: tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016, tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Minh, tôi không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/9/2019 của anh Đỗ Văn Tiến Đ trình bày: Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết con chung: Tôi không yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Việc rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

*Chị Lại Thị Ngọc Q vắng mặt không nộp bản khai.

*Tại phiên tòa:

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đỗ Văn Tiến Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và mâu thuẫn gia đình giữa anh Đ và chị Q là đúng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Q không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh Đ xin được ly hôn chị Lại Thị Ngọc Q.

Về con chung: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết con chung cháu Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Anh Đ không yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Việc rút yêu cầu khởi kiện của anh Đạt là hoàn toàn tự nguyện, không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Đạt.

-Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Điều Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 147, 217, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Tiến Đ được ly hôn chị Lại Thị Ngọc Q.

+ Đình chỉ yêu cầu nuôi con chung là cháu Đỗ Bình M với chị Q.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp, nên không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đỗ Văn Tiến Đ nộp 300.000 đồng. Anh Đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh VL.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Đỗ Văn Tiến đ có đơn xin vắng mặt ngày 17/6/2019, lý do đi làm ăn xa không đến dự khi Tòa án triệu tập. Chị Lại Thị Ngọc Q cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị Q.

[3] Về Hôn nhân: Anh Đỗ Văn Tiến Đ và chị Lại Thị Ngọc Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét giữa anh Đ và chị Q trong quá trình chung sống mâu thuẩn xảy ra kéo dài, anh Đ cũng thừa nhận là anh không còn tình cảm gì với chị Q, vợ chồng đã ly thân từ ngày 12/2018 (âm lịch) cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, do đó anh Đ xin ly hôn chị Q. Về phía chị Q: Mặc dù chị Q biết anh Đ xin ly hôn nhưng chị Q cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Vì vậy căn cứ theo Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Văn Tiến Đ và chị Lại Thị Ngọc Q có một con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016, hiện cháu M đang sống với chị Q. Vào ngày 16/9/2019 anh Đ nộp đơn xin rút yêu cầu nuôi con chung cháu Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Anh Đ rút đơn yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết về phần yêu cầu nuôi con chung của anh Đ. Hiện tại chị Lại Thị Ngọc Q đang nuôi dưỡng cháu M, chị Lại Thị Ngọc Q được tiếp tục nuôi con chung cháu Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Anh Đỗ Văn Tiến Đ không cấp dưỡng nuôi con. Anh Đỗ Văn Tiến Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Đ

không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Áp dụng điểm c, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh Đỗ Văn Tiến Đ không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Đỗ Văn Tiến Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đỗ Văn Tiến Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Anh Đ được khấu trừ số tiền 300.000 đồng vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011015 ngày 17/6/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, điểm c Điều 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn Tiến Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn Tiến Đ được ly hôn chị Lại Thị Ngọc Q.

2. Về con chung: Chị Lại Thị Ngọc Q được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Bình M, sinh ngày 16/6/2016. Anh Đỗ Văn Tiến Đ không cấp dưỡng nuôi con. Anh Đỗ Văn Tiến Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Đạt không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Đỗ Văn Tiến Đ không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đỗ Văn Tiến Đ nộp 300.000 đồng. Anh Đ được khấu trừ số tiền 300.000 đồng vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011015 ngày 17/6/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Anh Đ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi nguyên đơn, bị đơn có đăng ký thường trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THAH Bình Tân ;
- UBND xã MT,h. BT, VL;
- UBND phường PT, thành phố PT, tỉnh BT;
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thành Tựu